

1

1. Ủy ban nhân dân thành phố Q; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.  
Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh K- Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q (văn bản ủy quyền số 5839/QĐ- UBND, ngày 06-9- 2019), vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch ủy ban nhân dân phường T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn D, chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị - Tài nguyên và Môi trường phường T, thành phố Q (văn bản ủy quyền ngày 12-8-2019), vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Thái Văn P (đã chết); địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thái Văn P:*

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng.

+ Bà Thái Thị Kim P, sinh năm 1969; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng.

+ Bà Thái Thị Kim L, sinh năm 1973; địa chỉ: tỉnh Lâm Đồng, vắng.

+ Ông Thái Văn S, sinh năm 1976; địa chỉ: tỉnh Lâm Đồng, vắng.

+ Ông Thái Văn S1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí M, vắng.

+ Bà Thái Thị Kim T, sinh năm 1980; Địa chỉ: tỉnh Lâm Đồng, vắng.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà P, bà L, ông S, ông S1, bà T:*

Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H trình bày:*

Ngày 24-6 năm Bảo Đại thứ 17, Bồn tộc Lê Đ tên là Lê Thiện T, bán miếng đất mang số hiệu 887, 887/967 tại phường T cho bà Thái Thị L.

Ngày 25-02-1953 hai mẹ con bà Thái Thị L và ông Nguyễn Văn M đã lập văn tự bán đoạn mãi đất cho cha ông Nguyễn Tấn L là ông Nguyễn Tấn N miếng đất mang số hiệu thửa đất 887, 887/967 thuộc bộ T, phường xứ B, thôn N, T, đã được chính quyền xác thực vào ngày 03-3-1953. Tổng diện tích 02 thửa đất liền kề là 850m<sup>2</sup>. Cha mẹ ông L là ông Nguyễn Tấn N và bà Bùi Thị X sử dụng ổn định, không ai tranh chấp.

Năm 1975, được sự đồng ý của bà Bùi Thị X, Ủy ban nhân dân phường T và Ga đường sắt Quảng Ngãi mượn diện tích đất phía Tây Bắc mở đường hẻm nhỏ đi qua thửa đất này để vận chuyển vật tư, thiết bị xây dựng ga Quảng Ngãi. Vị trí đất bà Bùi Thị X cho nhà ga Quảng Ngãi mượn để làm đường là trừ hết phần nằm liền kề cạnh Tây Bắc của thửa đất số 67 đến hết phần liền kề cạnh phía Bắc của thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15, phường T lập năm 2000.

Năm 1983, thực hiện kê khai ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, bà Bùi Thị X đăng ký kê khai tại quyền số 01, mẫu số 5b, trang 125, số thứ tự 04, thửa đất số 85, tờ bản đồ 3, lập năm 1986, diện tích  $675\text{m}^2$  loại đất thổ cư đã được Hội đồng đăng ký ruộng đất phường T cấp Giấy chứng nhận cho bà Bùi Thị X vào ngày 22-11-1984.

Đổi chiều vị trí đất của thửa số 69, tờ bản đồ số 15, diện tích  $82,9\text{m}^2$  và thửa đất số CDK70, tờ bản đồ số 15, diện tích  $29,47\text{m}^2$  lập năm 2000, phường T với vị trí đất của thửa đất số 85, tờ bản đồ số 3 lập năm 1986, phường T (do bà Bùi Thị X là người kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg) thì toàn bộ thửa số 69, tờ bản đồ số 15, diện tích  $82,9\text{m}^2$  và thửa đất số CDK70, tờ bản đồ số 15, diện tích  $29,47\text{m}^2$  lập năm 2000, phường T nằm trong thửa đất do bà Bùi Thị X kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg.

Ngày 09-5-2003, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1148/QĐ-CT về việc thu hồi đất của một số tổ chức và công dân phường T, thị xã Quảng Ngãi (nay là thành phố Q) đang quản lý, sử dụng để xây dựng nâng cấp đường N và mở rộng nút ngã năm T. Trong Bảng kê kèm theo quyết định tại số thứ tự 47 có thu hồi của ông Thái Văn P thửa đất  $T69/82,8\text{m}^2$  (trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất được Sở Địa chính ký ngày 25-11-2000 thì diện tích thửa đất số 69 là  $82,9\text{m}^2$ ) và tại số thứ tự số 48 thu hồi của Bưu điện Ga Quảng Ngãi thửa đất CDK70, tờ bản đồ số 15, diện tích  $29,47\text{m}^2$ . Theo Quyết định thu hồi đất trên thì số thứ tự 47 và 48 tổng diện tích ( $82,80\text{m}^2 + 29,47\text{m}^2 = 112,27\text{m}^2$ ) đều nằm trong thửa đất số 887 và 887/967 có tổng diện tích 02 thửa đất liền kề là  $850\text{m}^2$  của ông Nguyễn Tấn N (sau này bà Bùi Thị X đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 85, tờ bản đồ 3, lập năm 1986, diện tích  $675\text{m}^2$  loại đất thổ cư đã được Hội đồng đăng ký ruộng đất phường T cấp Giấy chứng nhận cho bà Bùi Thị X vào ngày 22-11-1984).

Sau khi thu hồi như trên, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố Q không thi công hết các diện tích đất đã thu hồi nên ngày 06-4-2007 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 701/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Điều 1 của Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Tại Điều 1 của Quyết định này điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ  $2093,97\text{m}^2$  xuống còn  $1994,67\text{m}^2$ . Tuy nhiên Quyết định số 701/QĐ-UBND không kèm theo danh sách cụ thể diện tích giảm thuộc thửa đất nào, của ai sử dụng.

Ngày 13-4-2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 329/QĐ-UBND về việc bổ sung danh sách người sử dụng đất được điều chỉnh trả lại diện tích đất tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Tại số thứ tự 01 của Bảng kê danh sách người sử

dụng đất được điều chỉnh trả lại đất, thì thửa đất số T69/82,80m<sup>2</sup> được điều chỉnh trả lại cho ông Thái Văn P (đại diện các con của ông Thái Văn Q).

Việc điều chỉnh trả lại cho ông Thái Văn P tại thửa đất số T69, diện tích 82,80m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 15, phường T lập năm 2000 là xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông L vì toàn bộ thửa đất này là của gia đình ông đã được bà Bùi Thị X đăng ký kê khai như đã nêu trên.

Mặt khác, tại danh sách các tổ chức và công dân có đất bị thu hồi (kèm theo Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi) số thứ tự số 48 thu hồi của Bưu điện Ga Quảng Ngãi thửa đất CDK70, tờ bản đồ số 15, diện tích 29,47m<sup>2</sup> là không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông L. Vì đây là thửa đất mà bà Bùi Thị X cho Ga Quảng Ngãi mượn tạm làm đường đi để vận chuyển vật liệu xây dựng Ga Quảng Ngãi vào năm 1975 nên vẫn nằm trong thửa đất số 85, tờ bản đồ số 3 lập năm 1986, phường T (do bà Bùi Thị X là người kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg).

Tại Biên bản về việc chi trả tiền đền bù giá đất và tài sản có trên đất thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng đường N, mở rộng nút giao thông ngã 5 T và nút ga Quảng Ngãi (đợt 2) ngày 20-01-2005, Ban quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng thị xã Quảng Ngãi (nay là thành phố Q) chỉ bồi thường giá đất nông nghiệp cho gia đình ông Nguyễn Tấn L là 300.000đ/m<sup>2</sup> (đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 12). Nhưng theo Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì diện tích thu hồi 88,105m<sup>2</sup> là đất ở có giá đền bù vào năm 2005 là 3.500.000đ/m<sup>2</sup> (theo giá đất ở đô thị năm 2018 tại đường N, thành phố Q là 7.015.000đ/m<sup>2</sup>) là bồi thường không đúng về loại đất, gây thiệt hại cho gia đình ông L, bà H.

Vì vậy, ông Nguyễn Tấn L, bà Phạm Thị H yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau đây:

Hủy Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại số thứ tự 47 đối với ông Thái Văn P thửa số T69, tờ bản đồ số 15, diện tích 82,80m<sup>2</sup> và tại số thứ tự 48 đối với Bưu điện Ga Quảng Ngãi tại thửa đất số CDK70, tờ bản đồ số 15, diện tích 29,47m<sup>2</sup>.

Hủy Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 13-4-2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung danh sách người sử dụng đất được điều chỉnh tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại số thứ tự số 01 đối với ông Thái Văn P số thửa T69, diện tích còn lại 82,80m<sup>2</sup> của Bảng kê danh sách người sử dụng đất được điều chỉnh tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Điều chỉnh giá trị đền bù về đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo biên

bản về việc chi trả tiền đền bù giá trị đất và tài sản có trên đất thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng đường N, mở rộng nút giao thông ngã 5 T và nút ga Quảng Ngãi (đợt 2) ngày 20/01/2005 đối với diện tích 89,39m<sup>2</sup>, thửa đất số 116, tờ bản đồ số 15 cho gia đình ông, bà theo giá đất ở năm 2018 là 7.015.000đ/m<sup>2</sup>.

Hủy Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H xin rút phần yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

*Ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:*

Ngày 09-5-2003, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là Chủ tịch UBND tỉnh) ban hành Quyết định số 1148/QĐ-CT về việc thu hồi đất của một số tổ chức và công dân phường T, thị xã Quảng Ngãi (nay là thành phố Q) đang quản lý, sử dụng để xây dựng nâng cấp đường N và mở rộng nút ngã năm T. Trong Bảng kê kèm theo Quyết định có thu hồi của ông Thái Văn P thửa đất T69/82,8m<sup>2</sup> (trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất được Sở Địa chính ký ngày 25-11-2000 thì diện tích thửa đất số 69 là 82,9m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 15, lập năm 2000, phường T. Tuy nhiên, quá trình thực hiện dự án có phát sinh những vướng mắc liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, quy hoạch và xác định nguồn gốc thửa đất nêu trên, nên các cơ quan chức năng của thị xã Quảng Ngãi phải xác minh lại nguồn gốc đất. Ngày 20-02-2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q đã tổ chức cuộc họp, trong đó có đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường T (sau đây viết tắt là UBND phường T) và đại diện gia đình bà Bùi Thị X, gồm bà Đỗ Thị M (con bà X), bà Lê Thị B và bà Phạm Thị H (con dâu bà X) để xác định nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Thái Văn P. Trong biên bản có ghi: “*Các bà M, B, H là những người con của bà 0 sống ở đây (phía Đông thửa đất của ông P) từ năm 1982 cho đến nay nên biết rõ sự việc và cung cấp như sau:*

*Thửa đất trống hiện nay ông Thái Văn P đang sử dụng, nguyên của cha ông là Thái Văn Q sử dụng từ trước năm 1975, đã làm nhà ở, buôn bán từ đó. Sau năm 1975, ông Q tiếp tục sử dụng buôn bán trên ngôi nhà và đất này cho đến năm 1999 thì bị đau chết. Khi ông Q chết, ông P tiếp tục sử dụng cho đến nay, không có ai tranh chấp*

Đến ngày 06-3-2006 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q có Công văn số 09/TNMT về việc xác minh nguồn gốc đất của ông Thái Văn P, ở phường T, thành phố Q, xác định diện tích 82,90m<sup>2</sup>, thửa đất số 69 nêu trên, thuộc quyền sử dụng của anh em ông Thái Văn P, gửi Ban Quản lý các Dự án

Đầu tư và Xây dựng thành phố Q (sau đây viết tắt là Ban quản lý) để làm cơ sở cho việc lập phương án bồi thường.

Trên cơ sở xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, Ban quản lý đã lập phương án bồi thường và trình phê duyệt. Tuy nhiên, do quá trình xác minh về nguồn gốc và quyền sử dụng đất kéo dài thời gian, nên ông P không đồng ý nhận tiền bồi thường theo đơn giá vào thời điểm phương án được duyệt, mà yêu cầu bồi thường theo đơn giá mới. Mặt khác, phần diện tích thu hồi của ông P là để mở rộng nút giao thông vào Ga Quảng Ngãi và một phần làm đường Trần Quốc Toản nhưng chưa triển khai. Từ đó, Ủy ban nhân dân thành phố Q (sau đây viết tắt là UBND thành phố) có Công văn số 34/UBND ngày 12-01-2007, trong đó đề nghị điều chỉnh Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003 của Chủ tịch UBND tỉnh theo hướng không thu hồi thửa T69 có diện tích  $82,80\text{m}^2$  và chỉ thu hồi của ông Nguyễn Tấn L diện tích  $88,11\text{m}^2$  tại thửa 116, cùng tờ bản đồ số 15 lập năm 2000.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi có Tờ trình số 382/TTr-TN&MT ngày 21-3-2007 đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh một phần diện tích đất thu hồi tại Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có đoạn ghi: *Trong quá trình thực hiện bồi thường có diện tích  $99,3\text{m}^2$  (trong đó có hộ ông Thái Văn P:  $82,8\text{m}^2$  và hộ ông Nguyễn Tấn L:  $16,5\text{m}^2$ ) không thực hiện được nguyên nhân do việc bồi thường kéo dài, chủ hộ yêu cầu theo giá mới ...* Ngày 06-4-2007 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 701/QĐ-UBND điều chỉnh nội dung tại Điều 1 của Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003, theo đó điều chỉnh diện tích đất thu hồi từ  $2.093,97\text{m}^2$  xuống còn  $1.994,67\text{m}^2$ . Tuy nhiên, trong nội dung Quyết định lại không ghi chi tiết từng chủ sử dụng đất được điều chỉnh trả lại.

Thực hiện Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 14-6-2007, Ban quản lý phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh và UBND phường T tiến hành kiểm tra lại 02 thửa đất liền kề nhau của ông Thái Văn P (thửa đất số 69) và ông Nguyễn Tấn L (thửa đất số 116). Kết quả như sau:

+ Thửa đất số 69 của ông Thái Văn P có diện tích đất thực tế là  $76,40\text{m}^2$ , biến động giảm diện tích đất  $-6,5\text{m}^2$  ( $76,4\text{m}^2 - 82,9\text{m}^2 = -6,5\text{m}^2$ ) so với hồ sơ kỹ thuật lập ngày 25-11-2000 và bản đồ lập năm 2000.

+ Thửa đất số 116 của ông Nguyễn Tấn L có diện tích đất là  $164,60\text{m}^2$ , biến động tăng diện tích đất  $6,5\text{m}^2$  ( $164,6\text{m}^2 - 158,1\text{m}^2 = 6,5\text{m}^2$ ) so với hồ sơ kỹ thuật lập ngày 25-11-2000 và bản đồ lập năm 2000.

Ngày 07-01-2009, UBND thành phố Q có Báo cáo số 02/BC-UBND về vướng mắc hoàn trả lại diện tích đất cho ông Thái Văn P, trong đó cho rằng trích lục bản đồ địa chính vị trí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn L do Sở địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) lập

ngày 31-5-2001 (kèm theo Giấy chứng nhận do UBND tỉnh cấp cho ông L ngày 12-6-2001) có thay đổi hình thể giữa các cạnh tiếp giáp với thửa đất số 69; đồng thời, diện tích thửa đất số 116 tăng lên ( $6,5m^2$ ) là có một phần diện tích thửa số 69 và kiến nghị UBND tỉnh giải quyết vướng mắc nêu trên.

Sau khi kiểm tra đo đạc nêu trên, ông P có đơn gửi đến nhiều cơ quan cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận cho ông L xâm phạm đất của ông và yêu cầu giải quyết trả lại đủ diện tích  $82,8m^2$  đã thu hồi. Ngày 18-5-2010, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh có Báo cáo số 707/BC-TNMT, báo cáo kiến nghị UBND tỉnh giải quyết khiếu nại của ông Thái Văn P. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 2198/UBND-NC ngày 23-7-2010 chỉ đạo: Giao UBND thành phố Q chỉ đạo Ban quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng cơ bản thành phố phối hợp với cơ quan liên quan, lập thủ tục giao trả cho ông P  $76,4m^2$  đất (theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 06/12/2008 của UBND thành phố Q và các cơ quan có liên quan), thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15, phường T. Đối với diện tích đất  $6,5m^2$  còn lại ( $76,4m^2 + 6,5m^2 - 82,9m^2$  mà trước đây thu hồi của ông P), mời ông Nguyễn Tấn L và ông P làm việc để giải thích rõ nguyên nhân có sự biến động diện tích so với bản đồ lập năm 2000, đồng thời yêu cầu ông L phải có trách nhiệm chi trả lại giá trị bằng tiền cho ông P đối với diện tích ông L đã lấn qua xây dựng nhà; trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được, thì chỉ đạo các cơ quan liên quan lập thủ tục trích  $6,5m^2$  từ diện tích đất Nhà nước đã thu hồi mở rộng đường nhưng đến nay không thực hiện (diện tích này nằm kề phía Đông và phía Bắc của ông P) để giao trả lại cho ông P đủ diện tích đất  $82,9m^2$  hoặc trả bằng tiền theo giá đất hiện hành của UBND tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND thành phố đã chỉ đạo Ban quản lý mời hai bên gia đình đến giải quyết nhưng phía gia đình ông L không thống nhất nội dung cho rằng gia đình ông lấn đất của ông P.

Theo đề nghị của các cơ quan chuyên môn, UBND thành phố đã chỉ đạo việc chi trả tiền bồi thường đối với diện tích đất  $6,5m^2$  và tổ chức lực lượng bảo vệ để cắm mốc giới, bàn giao đất trên thực địa đối với phần diện tích đất  $76,4m^2$  cho hộ ông Thái Văn P. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì gia đình ông Nguyễn Tấn L phát sinh tố cáo cho rằng: Phần diện tích  $82,9m^2$  mà ông P kê khai có một phần là đất của ông Đỗ Ngọc L, một phần là của mẹ ông. Do vậy, UBND thành phố đã chỉ đạo UBND phường T mời hai bên gia đình ông Nguyễn Tấn L và ông Thái Văn P để tiến hành hòa giải. UBND phường T đã tổ chức hòa giải hai lần nhưng không thành.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về xem xét kiến nghị của UBND thành phố Q, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh có Báo cáo số 930/BC-STNMT ngày 04-7-2012. Ngày 07-8-2012, UBND tỉnh đã tổ chức cuộc

hợp Hội đồng tư vấn xử lý hành chính tỉnh và có Thông báo số 199/TB-UBND ngày 16-8-2012, trong đó có các nội dung:

Chấp nhận tạm dừng thực hiện nội dung Công văn số 2198/UBND-NC ngày 23-7-2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi theo kiến nghị của Thanh tra tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường.

Giao UBND thành phố Q chỉ đạo UBND phường T tiến hành hòa giải giữa hộ ông Thái Văn P và hộ ông Nguyễn Tấn L; vận động thuyết phục hộ ông L tự giác tháo dỡ lều quán xây dựng trái phép và trả lại mặt bằng, chờ kết quả giải quyết.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra, rà soát lại toàn bộ các nội dung liên quan đến vụ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ ông Thái Văn P với hộ ông Nguyễn Tấn L; đồng thời xem xét tham mưu xử lý nội dung đơn khiếu nại, tố cáo của ông P và ông L.

Thực hiện Thông báo số 199/TB-UBND ngày 16-8-2012, UBND thành phố đã chỉ đạo UBND phường T tiến hành hòa giải vào ngày 07-9-2012 nhưng không thành; đồng thời đã yêu cầu ông Nguyễn Tấn L tháo dỡ trại để xe ô tô đã xây dựng trên đất đang có tranh chấp. Thời gian tháo dỡ chậm nhất đến ngày 20-9-2012 nhưng đến nay ông L vẫn chưa tháo dỡ.

Để kiểm tra kết quả thực hiện và theo đề nghị của công dân, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu lập Đoàn kiểm tra vụ việc và Đoàn kiểm tra liên ngành có Báo cáo số 1230/BC-ĐKTLN ngày 15-7-2013 về kết quả kiểm tra, rà soát lại hồ sơ có liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Nguyễn Tấn L với gia đình ông Thái Văn P. UBND tỉnh đã tổ chức cuộc họp Hội đồng tư vấn xử lý hành chính tỉnh và có Thông báo số 227/TB-UBND ngày 05-9-2013, trong đó: giao UBND thành phố Q chỉ đạo UBND phường T tiến hành hòa giải việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Nguyễn Tấn L với gia đình ông Thái Văn P theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; trường hợp hòa giải không thành thì hướng dẫn các đương sự gửi đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Q để được thụ lý, xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Thực hiện nội dung Thông báo trên, UBND phường T đã mời hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ngày 13-4-2018 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 329/QĐ-UBND về việc bổ sung danh sách người sử dụng đất được điều chỉnh tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thu hồi đất của 48 trường hợp chứ không phải riêng trường hợp ông Thái Văn P, đến nay Dự án này đã thực hiện xong nhiều năm. Hơn nữa, sau khi



có Quyết định thu hồi đất do vướng mắc trong công tác bồi thường nên UBND thị xã Quảng Ngãi đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q tổ chức xác minh, trong đó có làm việc với bà Phạm Thị H và những người con, cháu của bà Bùi Thị X để xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Thái Văn P vào ngày 20-02-2006 thì những người này đã thừa nhận là đất của ông Thái Văn Q sử dụng trước năm 1975 mãi đến năm 1999 ông Q chết thì ông P tiếp tục sử dụng cho đến nay, không có tranh chấp.

Mặt khác, sau khi có quyết định thu hồi đất nêu trên, gia đình ông L biết nhưng không có ý kiến gì.

Đối với Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1148/QĐ-UBND, trong đó có điều chỉnh trả lại một phần diện tích đất thu hồi của gia đình ông Nguyễn Tấn L và toàn bộ diện tích đất thu hồi của ông Thái Văn P do không thực hiện mở rộng nút giao thông vào Ga Quảng Ngãi và làm đường Trần Quốc Toản. Tuy nhiên, do trong nội dung Quyết định số 701/QĐ-UBND không ghi cụ thể điều chỉnh trả lại đất cho ai, thửa đất nào nên UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 13-4-2018 để bổ sung danh sách những người được trả lại đất.

Do vậy, việc ông Nguyễn Tấn L, bà Phạm Thị H yêu cầu hủy các Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 09-5-2003, Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 và Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 13-4-2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là không có cơ sở.

*Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố Q:*

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã nhiều lần triệu tập họp lệ và nhiều lần gửi Công văn yêu cầu ủy ban nhân dân thành phố Q có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của người khởi kiện và cung cấp tài liệu, chứng cứ, nhưng ủy ban nhân dân thành phố Q không đến Tòa án để làm việc các nội dung liên quan đến vụ án; không có bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.

*Ý kiến của Ủy ban nhân dân phường T:*

Giữa ông Nguyễn Tấn L, bà Phạm Thị H với ông Thái Văn P phát sinh tranh chấp đất đai từ năm 2003 đến nay. UBND phường T đã tổ chức hòa giải, vận động, thuyết phục nhiều lần nhưng không thành, các phòng ban chuyên môn của UBND thành phố Q đã nhiều lần tham mưu UBND thành phố giải quyết, các sở ban ngành của UBND tỉnh Quảng Ngãi đã nhiều lần tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết nhưng hai bên chưa thống nhất. Hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Tấn L, bà Phạm Thị H tiếp tục khởi kiện các quyết định hành chính của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Tại UBND phường T không có hồ sơ lưu về việc sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn L và ông Thái Văn P. Chỉ có bản đồ địa chính thể hiện thửa đất, tờ bản đồ, loại đất, diện tích chứ không ghi tên người sử dụng đất. Vì vậy,

UBND phường T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và thu thập để giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án ông Thái Văn P và người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: Phạm Thị H; Thái Thị Kim P; Thái Thị Kim L; Thái Văn S; Thái Văn S1 và Thái Thị Kim T là ông Trịnh Văn H trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số T69, tờ bản đồ số 15, diện tích 82,8m<sup>2</sup>, địa chỉ: Tổ 12, phường Trần phú, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là của cha mẹ ông P là ông Thái Văn Q và bà Bùi Thị N, ông Q và bà N tạo lập và làm nhà ở để buôn bán từ năm 1933. Sau ngày giải phóng năm 1975 — 1977 Nhà nước mở rộng làm ga Quảng Ngãi và đường đi nên đã vận động gia đình ông Q tháo dỡ nhà cửa, chỉ còn lại 82,8m<sup>2</sup> của căn nhà sau. Ông Q tiếp tục sửa sang lại để ở, làm nơi buôn bán để nuôi con, sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Bà Bùi Thị X là mẹ ruột của ông Nguyễn Tấn L; bà X kê khai theo Chỉ thị 299/TTg chồng lên diện tích 82,8m<sup>2</sup> đất của cha mẹ ông P đang quản lý. Việc kê khai này cha mẹ ông P không biết. Cha mẹ ông P chết để lại nhà, quán, cây cối lâu năm cho vợ chồng ông P ở, quản lý sử dụng, không có ai tranh chấp.

Vào năm 1991 bà Bùi Thị X lập bản thỏa thuận phân chia đất vườn và nhà cho ông L diện tích 194m<sup>2</sup> và nhà ở hướng Tây liền kề đất của cha mẹ ông P, sau đó Nhà nước quy hoạch, giải tỏa một phần đất và đã đền bù xong cho ông L.

Ngày 19-6-2000 ông Nguyễn Tấn L đã kê khai để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 12/6/2001 đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 15, diện tích 117,8m<sup>2</sup>. Về thủ tục kê khai, ông Thái Văn P đã thay mặt ông Thái Văn Q (là người chủ sử dụng đất từ năm 1933 liền kề) có ký vào biên bản xác định giải quyết mốc giới liền kề và ông Nguyễn Tấn L cũng ký vào biên bản xác định ranh giới, mốc giới cho ông Thái Văn P thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15, phường T cho ông Thái Văn P.

Năm 2003 UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định số 1148/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích 82,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số T69, tờ bản đồ số 15, phường T của gia đình ông P; gia đình ông L cũng bị thu hồi 104,61m<sup>2</sup> (phần diện tích này liền kề thửa đất T69 của gia đình ông P). Ông L đã nhận tiền bồi thường xong, riêng gia đình ông P chưa nhận tiền bồi thường về đất, vật kiến trúc, nhà và các loại cây lâu năm có trên đất.

Sau khi có quyết định thu hồi đất, nhưng nhiều năm dự án không thực hiện. Lợi dụng việc này, gia đình ông Nguyễn Tấn L đã chặt phá cây cối của gia đình ông P, tự ý lấn chiếm khoảng 50m<sup>2</sup> đất đã bị UBND tỉnh Quảng Ngãi thu hồi, trong đó ông L đã làm nhà kiên cố là 6,5m<sup>2</sup> còn lại khoảng 43,5m<sup>2</sup> ông L dựng trại sắt, trụ bê tông che mái tôn kiên cố dùng để đậu xe ô tô tải. Ngoài ra còn lại

23m<sup>2</sup> đất ông Bùi Tá U (U Anh) xin thuê gia đình ông P để dựng lều tạm buôn bán.

Ông P đã nhiều lần làm đơn khiếu nại và yêu cầu các cấp giải quyết trả lại đất cho gia đình ông P. Nay UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có quyết định về việc điều chỉnh trả lại diện tích 82,8m<sup>2</sup> đất cho gia đình ông Thái Văn P là đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L, bà Phạm Thị H.

***Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 09/2020/HC-ST ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2; Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 362 Luật tổ tụng hành chính; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu sau đây của ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H: Yêu cầu hủy Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5- 2003 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại số thứ tự 48 của danh sách các tổ chức và công dân có đất bị thu hồi xây dựng công trình: Nâng cấp đường N và mở rộng nút giao thông Ngã năm T, thị xã Quảng Ngãi đối với Bưu điện Ga Quảng Ngãi tại thửa đất số CDK70, tờ bản đồ số 15, lập năm 2000, phường T, diện tích 29,47m<sup>2</sup> và yêu cầu điều chỉnh giá trị đền bù về đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo biên bản về việc chi trả tiền đền bù giá trị đất và tài sản có trên đất thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng đường N, mở rộng nút giao thông Ngã năm T và nút ga Quảng Ngãi (đợt 2) ngày 20-01-2005 đối với diện tích 89,39m<sup>2</sup>, thửa đất số 116, tờ bản đồ số 15 cho gia đình ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H theo giá đất ở năm 2018 là 7.015.000đ/m<sup>2</sup>.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H: Tuyên hủy một phần Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại số thứ tự 47 của danh sách các tổ chức và công dân có đất bị thu hồi xây dựng công trình: Nâng cấp đường N và mở rộng nút giao thông Ngã năm T, thị xã Quảng Ngãi đối với ông Thái Văn P thửa số T69, tờ bản đồ số 15, diện tích 82,80m<sup>2</sup>; hủy một phần Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 13-4-2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung danh sách người sử dụng đất được điều chỉnh tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi tại số thứ tự 01 đối với ông

Thái Văn P, số thửa T69, diện tích còn lại 82,80m<sup>2</sup> của Bảng kê danh sách người sử dụng đất được điều chỉnh tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Đề nghị ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định hành chính mới thay thế một phần Quyết định hành chính đã bị hủy.

Về chi phí tố tụng khác: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phải hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn L, bà Phạm Thị H số tiền chi phí giám định là: 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu cho phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/5/2020, ngày 02/6/2020 và ngày 15/6/2020 người khởi kiện ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung với nội dung: Tuyên hủy một phần Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 9/5/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu điều chỉnh giá trị đất từ nông nghiệp sang đất ở. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông Thái Văn P, bà Phạm Thị H và bà Thái Thị Kim P kháng cáo Bản án sơ thẩm số 09/2020/HC-ST ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi với nội dung: Sửa một phần bản án tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà H.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tại phiên tòa sơ thẩm chúng tôi không có yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 6/4/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, sau khi có bản án sơ thẩm chúng tôi đã kháng cáo và ghi rõ không rút yêu cầu hủy quyết định này, nay chúng tôi yêu cầu tòa án phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chúng tôi hủy các Quyết định 1148/QĐ-UBND ngày 5/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 6/4/2007, Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/6/2021 người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Thái Văn P là bà Thái Thị Kim L, ông Thái Văn S1, ông Thái Văn S, bà Thái Thị Kim T đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các Ông Bà bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L và bà H.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án là đúng pháp luật, người khởi kiện và người có quyền và nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không chứng cứ nào mới khác; do đó đề nghị căn cứ

vào khoản 1 Điều 341 Luật tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Phiên tòa phúc thẩm đã mở nhiều lần (lần thứ 5) đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và một số người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự, thấy:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông L, bà H, thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 6/4/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh nội dung Điều 1 của Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 9/5/2003, sau khi xét xử sơ thẩm ông L bà H kháng cáo cho rằng không rút yêu cầu khởi kiện này, do đó Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về yêu cầu của người khởi kiện đối với Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 6/4/2007. Về yêu cầu kháng cáo hủy một phần Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 5/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thu hồi đất số thứ tự 48 trong danh sách thu hồi Bưu điện ga Quảng Ngãi diện tích 29,47 m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 15, thửa CDK 70 điều chỉnh giao trả giá trị đền bù diện tích này cho ông bà; yêu cầu điều chỉnh giá trị đền bù về đất từ nông nghiệp sang đất ở năm 2005 đối với diện tích 89,39 m<sup>2</sup> thửa đất số 116, tờ bản đồ số 15 cho gia đình ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H vì Quyết định 1148/QĐ-UBND ngày 9/5/2003 ở Điều 1 thì đất thu hồi là đất ở nhưng khi đền bù theo đất nông nghiệp, thấy: Tại UBND phường T, Biên bản chi trả tiền đền bù giá trị đất và tài sản có trên đất thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng đường N, mở rộng nút giao thông ngã năm T và ga Quảng Ngãi(đợt 2) ngày 20/1/2005 có ghi rõ Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 9/5/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, ông Nguyễn Tấn L đã nhận tiền đền bù hỗ trợ đất đai tài sản trên đất số tiền 60.012.369 đồng; do đó, ông L đã biết Quyết định 1148/QĐ-CT ngày 9/5/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi tại thời điểm ông nhận tiền (ngày 20/01/2005), việc ông trình bày ông không nhận được Quyết định là không có căn cứ, từ khi nhận tiền đến ngày 13/4/2018 ông L và bà H không khiếu nại, đến khi UBND tỉnh ban hành Quyết định 329/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 ông L, bà H mới khiếu nại tranh chấp thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15, diện tích 82,8 m<sup>2</sup> với gia đình ông Thái Văn P; ngày 12/11/2018 ông L, bà H mới có yêu cầu khởi kiện các yêu cầu khởi kiện trên là hết thời hiệu khởi kiện; Tòa án sơ thẩm căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 143 LTTHC đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu của ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H về hủy Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5- 2003 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại số thứ tự 48 của danh sách các tổ chức và công dân có đất bị thu hồi xây dựng công trình: Nâng

cấp đường N và mở rộng nút giao thông Ngã năm T, thị xã Quảng Ngãi đối với Bưu điện Ga Quảng Ngãi tại thửa đất số CDK70, tờ bản đồ số 15, lập năm 2000, phường T, diện tích 29,47m<sup>2</sup> và yêu cầu điều chỉnh giá trị đền bù về đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo biên bản về việc chi trả tiền đền bù giá trị đất và tài sản có trên đất thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng đường N, mở rộng nút giao thông Ngã năm T và nút ga Quảng Ngãi (đợt 2) ngày 20-01-2005 đối với diện tích 89,39m<sup>2</sup>, thửa đất số 116, tờ bản đồ số 15 cho gia đình ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H theo giá đất ở năm 2018 là 7.015.000đ/m<sup>2</sup> là có căn cứ đúng pháp luật. Ông L, bà H kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới khác; do đó Tòa án phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, bà H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Thái Văn P, thấy: Ngày 25/2/1953 bà Thái Thị L và ông Nguyễn Văn M (con bà L) đã lập văn tự bán đoạn mãi 2 miếng đất cho ông Nguyễn Tấn N (cha ông Nguyễn Tấn L) số hiệu thửa đất 887 và 887/967 thuộc thôn Nghĩa Lộ, phường Nghĩa Lộ được chính quyền xác nhận 2/3/1953 tổng diện tích 2 thửa liền kề 850 m<sup>2</sup>(BL11, 12, 13), kê khai theo chỉ thị 299/TTg năm 1983 tại quyển số 1 mẫu 5b trang 125 số thứ tự 4 thửa 85, tờ bản đồ số 3 1984 diện tích 675m<sup>2</sup> loại đất thổ cư do bà Bùi Thị X kê khai, được cấp Hội đồng đăng ký ruộng đất phường T cấp Giấy chứng nhận ngày 22/11/1984. Đối với ông Thái Văn P Giấy tờ hiện nay bị thất lạc do lụt bão nhân chứng 3 người xác nhận Bùi Thị X ký(BL14) nhưng bà X không biết chữ. Tại Báo cáo số 64/BCTN-MT ngày 14/5/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q xác định “toàn bộ diện tích đất 82,9m<sup>2</sup>thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15, lập năm 2000, phường T nằm trong thửa đất do bà Bùi Thị X đăng ký theo Chỉ Thị 299/TTg” (BL19); Báo cáo số 75/BC-UBND ngày 22/5/2012 của UBND thành phố Q (BL249) “..phần diện tích đất 82,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15, lập năm 2000, phường T là thuộc quyền sử dụng của anh, em ông Thái Văn P là chưa đảm bảo về tính pháp lý” (BL246); Báo cáo số 1230/BC-ĐKTLN ngày 15/7/2013 của Đoàn kiểm tra liên ngành(BL66,70) xác định: “qua xác minh gia đình ông Nguyễn Tấn L có giấy tờ về nguồn gốc đất, trong khi gia đình ông Thái Văn P không có giấy tờ về nguồn gốc đất thửa 69, tờ bản đồ số 15”. Như vậy, diện tích đất 82,9 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15, lập năm 2000, phường T có nguồn gốc của bà Bùi Thị X mẹ ông Nguyễn Tấn L, nhưng Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 9/5/2003 của Chủ tịch tỉnh Quảng Ngãi thu hồi đất T69 diện tích 82,9 m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 15, lập năm 2000, phường T ghi chủ sử dụng đất là ông Thái Văn P là không đúng đối tượng thu hồi, do đó Quyết định 329/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 theo Bảng kê danh sách người được điều chỉnh tại số thứ tự số 1 là Thái Văn P thửa đất T 69, diện tích 82,9 m<sup>2</sup> là không đúng đối tượng sử dụng đất. Tòa án sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 1148/QĐ-UBND

ngày 5/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và một phần Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại số thứ tự số 1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Thái Văn P kháng cáo nhưng không có chứng cứ tài liệu nào mới khác; do đó Tòa án phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Thái Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các phần và quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông Thái Văn P là bà Phạm Thị H và bà Thái Thị Kim P; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2020/HC-ST ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

### **Tuyên xử:**

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu sau đây của ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H: Yêu cầu hủy Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại số thứ tự 48 của danh sách các tổ chức và công dân có đất bị thu hồi xây dựng công trình: Nâng cấp đường N và mở rộng nút giao thông Ngã năm T, thị xã Quảng Ngãi đối với Bru điện Ga Quảng Ngãi tại thửa đất số CDK70, tờ bản đồ số 15, lập năm 2000, phường T, diện tích 29,47m<sup>2</sup> và yêu cầu điều chỉnh giá trị đền bù về đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo biên bản về việc chi trả tiền đền bù giá trị đất và tài sản có trên đất thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng đường N, mở rộng nút giao thông Ngã năm T và nút ga Quảng Ngãi (đợt 2) ngày 20-01-2005 đối với diện tích 89,39m<sup>2</sup>, thửa đất số 116, tờ bản đồ số 15 cho gia đình ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H theo giá đất ở năm 2018 là 7.015.000đ/m<sup>2</sup>.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H: Tuyên hủy một phần Quyết định số 1148/QĐ-CT ngày 09-5-2003 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại số thứ tự 47 của danh sách các tổ chức và công dân có đất bị thu hồi xây dựng công trình: Nâng cấp đường N và mở rộng

nút giao thông Ngã năm T, thị xã Quảng Ngãi đối với ông Thái Văn P thừa số T69, tờ bản đồ số 15, diện tích 82,80m<sup>2</sup>; hủy một phần Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 13-4-2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung danh sách người sử dụng đất được điều chỉnh tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi tại số thứ tự 01 đối với ông Thái Văn P, số thửa T69, diện tích còn lại 82,80m<sup>2</sup> của Bảng kê danh sách người sử dụng đất được điều chỉnh tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 06-4-2007 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các phần và quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2020/HC-ST ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H và phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*); được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0004834 ngày 15/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thái Kim P là bà Phạm Thị H và bà Thái Thị Kim P phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*); được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đồng theo Biên lai thu số 0004833 ngày 15/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị H, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông Thái Kim P là bà Phạm Thị H và bà Thái Thị Kim P đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trương Minh Tuấn**